CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 164/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 30 của Luật Bảo hiểm xã hội và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội về Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 3. Cách thức thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia để cung cấp và thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

a) Việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội không phụ thuộc vào địa giới hành chính;

b) Việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trên cơ sở tái sử dụng thông tin, dữ liệu, giấy tờ đã số hóa, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội không phải cung cấp giấy tờ, tài liệu đối với những thông tin đã có, đã tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân;

c) Việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về dữ liệu, pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, pháp luật về bảo hiểm xã hội và quy định khác của pháp luật có liên quan; Bảo đảm rõ ràng, không phân biệt phương thức thực hiện, trung thực, an toàn, hiệu quả.

2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được xây dựng, khai thác và sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương;

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được cập nhật theo quy định của Chính phủ, bảo đảm đầy đủ, chính xác và kịp thời ngay sau khi các thủ tục hành chính, nghiệp vụ có liên quan đã hoàn thành; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông

suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật;

c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trong quản lý, khai thác và sử dụng;

d) Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan, tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Điều 5. Điều kiện, phương thức thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải đảm bảo điều kiện sau:

1. Có tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

2. Có chứng thư chữ ký số còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp hoặc có chữ ký điện tử khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội từ giao dịch bằng bản giấy sang giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định này thì không phải thực hiện các phương thức giao dịch khác và được công nhận đã hoàn thành thủ tục bảo hiểm xã hội tương ứng.

2. Đối với các thành phần hồ sơ bảo hiểm xã hội quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội mà đã được số hóa, lưu trữ trong trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp khi thực hiện thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội.

Chương II
GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 7. Hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử bao gồm:

a) Hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử;

b) Chứng từ kế toán điện tử trong thực hiện bảo hiểm xã hội;

c) Các văn bản, thông báo khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch bảo hiểm xã hội bằng phương tiện điện tử.

2. Hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như hồ sơ, chứng từ, thông báo và các văn bản bằng giấy theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật về dữ liệu.

Điều 8. Sổ bảo hiểm xã hội

1. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp cho từng người lao động, mỗi người chỉ được cấp duy nhất một mã số bảo hiểm xã hội và chứa đựng thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử là sổ bảo hiểm xã hội được Bộ Tài chính tạo lập bằng phương tiện điện tử, chứa đựng thông tin như sổ bảo hiểm xã hội bản giấy.

3. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử được tích hợp với tài khoản định danh điện tử của cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội và lưu trữ, cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia sau khi cá nhân, tổ chức thực hiện thành công giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

4. Sổ bảo hiểm xã hội bản điện tử đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có các thông tin như sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy; do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tạo lập, tích hợp, quản lý trên Tài khoản định danh điện tử theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an và bảo đảm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội.

5. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp bằng bản điện tử được cấp chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2026 và có giá trị pháp lý như sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy.

Điều 9. Yêu cầu đối với hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử phải có đủ chữ ký số của những người có trách nhiệm ký theo quy định của pháp luật. Trường hợp pháp luật quy định văn bản phải được cơ quan, tổ chức xác nhận thì văn bản đó phải được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức. Trường hợp hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử chỉ có chữ ký của người có thẩm quyền thì hệ thống thông tin phải có khả năng nhận biết và xác nhận việc

đã xử lý của những người có trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong quá trình luân chuyển hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử đến người ký cuối cùng.

2. Trường hợp hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử có thành phần kèm theo ở dạng giấy thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải chuyển đổi sang dạng điện tử. Việc chuyển đổi từ hồ sơ, chứng từ giấy sang hồ sơ, chứng từ điện tử và hồ sơ, chứng từ điện tử sang hồ sơ, chứng từ giấy thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu.

Điều 10. Thời gian nộp hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử thực hiện các giao dịch điện tử 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.

2. Thông báo xác nhận đã nhận hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử được gửi đến kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp gửi đến.

Điều 11. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Được hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời khi gặp sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử.

2. Được bảo đảm bí mật, tính toàn vẹn về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

3. Được cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bằng phương tiện điện tử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Tạo lập, gửi, nhận hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Không thực hiện giao dịch bằng hồ sơ giấy đối với các thủ tục đã đăng ký bằng hình thức giao dịch điện tử trong thời gian đang thực hiện giao dịch điện tử, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Quản lý chứng thư chữ ký số và bảo đảm tính chính xác của chứng thư chữ ký số trên hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử; quản lý tài khoản định danh điện tử bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

4. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn toàn bộ hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử.

5. Lưu trữ hồ sơ, chứng từ giấy theo quy định của pháp luật về lưu trữ đối với những chứng từ kê khai với cơ quan bảo hiểm xã hội nhưng chưa chuyển sang hồ sơ, chứng từ điện tử; xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền đối chiếu, kiểm tra.

6. Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử.

7. Lập hồ sơ bảo hiểm xã hội bằng giấy hoặc chuyển hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử sang hồ sơ bảo hiểm xã hội giấy để nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội trực tiếp quản lý chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ về thu bảo hiểm xã hội trong trường hợp đến hạn nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử mà hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, hạ tầng kỹ thuật chưa khắc phục được sự cố; chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đối với giao dịch khác. Sau khi sự cố đã được khắc phục, cơ quan, tổ chức, có trách nhiệm gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia.

8. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm về kê khai hồ sơ, chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội và pháp luật có liên quan.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thực hiện giao dịch điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội truy cập Cổng Dịch vụ công quốc gia, thực hiện lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử trực tuyến và gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử đến Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính.

2. Trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính gửi Phiếu tiếp nhận, hẹn trả giải quyết qua địa chỉ thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 14. Bảo đảm kết nối giữa các hệ thống thông tin trong giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Các hệ thống thông tin phục vụ thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đáp ứng theo các quy định áp dụng đối với hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương.

2. Dữ liệu chia sẻ, trao đổi được thực hiện trong các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải được chuẩn hóa dưới dạng cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi.

Chương III
CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 15. Cơ quan chủ quản, cơ quan vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Trung tâm dữ liệu quốc gia là đơn vị vận hành Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 16. Dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm bao gồm các thông tin sau:

a) Dữ liệu cơ bản cá nhân bao gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; dân tộc; quốc tịch; nơi đăng ký khai sinh; quê quán, nơi thường trú; họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp;

b) Thông tin liên hệ của công dân;

c) Nhóm thông tin về hộ gia đình: Địa chỉ; danh sách các thành viên trong hộ gia đình;

d) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội: Mã số bảo hiểm xã hội; mã đơn vị quản lý người tham gia; cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý; loại đối tượng bảo hiểm xã hội; phương thức đóng; quá trình đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; mã số thuế;

đ) Nhóm thông tin về bảo hiểm y tế: Mã mức hưởng bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu; thời điểm thẻ bảo hiểm y tế có giá trị sử dụng và thời điểm hết hạn sử dụng; thời điểm tham gia bảo hiểm y tế đủ 05 năm liên tục; thông tin thẻ bảo hiểm y tế bị thu hồi, tạm khoá (nếu có); quá trình đóng, hưởng; thông tin, dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

e) Nhóm thông tin về bảo hiểm thất nghiệp: Quá trình đóng, hưởng; thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;

g) Nhóm thông tin về người sử dụng lao động gồm: Tên; mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập; mã số thuế; số định danh tổ chức; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh (hoặc ngành, nghề kinh doanh chính)/lĩnh vực hoạt động; số điện thoại, thư điện tử; loại hình doanh nghiệp/loại hình tổ chức; phương thức đóng.

2. Thông tin được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này là dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 17. Thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Dữ liệu được thu thập, cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, bao gồm:

a) Dữ liệu mở;

b) Dữ liệu dùng chung của cơ quan nhà nước;

c) Dữ liệu dùng riêng của cơ quan nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

d) Dữ liệu của cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khi được chủ sở hữu dữ liệu đồng ý;

đ) Dữ liệu khác do tổ chức, cá nhân cung cấp.

2. Nguồn thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, bao gồm:

a) Từ quá trình thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Được cập nhật, chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu khác;

c) Được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức;

d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Tài chính phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra dữ liệu khi thu thập, cập nhật, đồng bộ để bảo đảm tính chính xác, thống nhất.

4. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được lưu trữ dữ liệu trên cơ sở hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Điều 18. Chủ thể khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Bộ Tài chính khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực bảo hiểm và phục vụ quản lý nhà nước về tài chính bảo hiểm xã hội.

2. Các bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định về khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Phương thức khai thác, sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Việc khai thác và sử dụng dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm thực hiện qua các phương thức sau đây:

1. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

3. Nền tảng định danh và xác thực điện tử.

4. Ứng dụng định danh quốc gia.

5. Thiết bị, phương tiện, phần mềm do Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp.

6. Phương thức khác do Bộ Tài chính quy định.

Điều 20. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về kết nối, chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

Điều 21. Quản lý nhà nước đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Chính phủ là chủ sở hữu dữ liệu và thống nhất quản lý dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Bộ Tài chính là cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, chịu trách nhiệm xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

3. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành quy trình, nghiệp vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Nghiên cứu việc quy định về dịch vụ người trung gian trong giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2027, bảo đảm điều kiện để thực hiện giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

4. Tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện thông qua giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

5. Thực hiện cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bằng phương tiện điện tử.

6. Kiểm tra việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao tại Nghị định này.

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp không thuộc phạm vi bí mật nhà nước do Bộ Công an quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và thực tế triển khai công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong Công an nhân dân.

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Quy định thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp không thuộc phạm vi bí mật nhà nước do Bộ Quốc phòng quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và thực tế triển khai công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Quốc phòng.

Điều 25. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bộ Nội vụ hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của ngành với Bộ Tài chính để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Bộ Y tế hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Hội đồng giám định y khoa chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của ngành với Bộ Tài chính để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành qua hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu, phù hợp với Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

4. Văn phòng Chính phủ chủ trì, kết nối Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát các quy định, thủ tục thuộc phạm vi, chức năng quản lý để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện chia sẻ, kết nối đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

7. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương chia sẻ, kết nối đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết với cơ quan tài chính để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Cổng Thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ được tích hợp vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính và tiếp tục thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đến trước ngày 01 tháng 3 năm 2026.

2. Dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 tiếp tục thực hiện cho đến khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm hết hiệu lực thi hành.

3. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, không áp dụng quy định của Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với việc thực hiện giao dịch điện tử trong bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Điều 28. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc